

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TOÀN CẦU HOÁ TÔN GIÁO: KHÁI NIỆM, BIỂU HIỆN VÀ MẤY VẤN ĐỀ ĐẶT RA

ĐỖ QUANG HUNG^(*)

1. Đặt vấn đề

Cùng với sự gia tăng của quá trình toàn cầu hoá kinh tế, toàn cầu hoá văn hoá, sự bùng nổ của công nghệ tin học và truyền thông, các luồng di cư, trong thập kỉ đầu tiên của thế kỉ XXI, người ta đã và đang nói đến *toàn cầu hoá tôn giáo*.

Giới nghiên cứu tôn giáo đã ghi nhận được *những biểu hiện đầu tiên* của quá trình này: Trong đời sống tôn giáo thế giới hiện nay đã xuất hiện những hiện tượng vô cùng mới mẻ như sự phá vỡ các đường biên giới, quốc gia, khu vực về địa - tôn giáo; sự đa dạng hoá hệ thống tôn giáo đi liền quá trình cải đạo, đổi đạo, tính *xuyên quốc gia*; các giáo hội lớn với xu hướng thu hẹp tính đồng nhất, khuynh hướng đại kết và *tái cơ cấu* theo hướng *xuyên giáo phái*...

Trong bài viết này, tác giả thử đề cập một vài vấn đề then chốt để trình bày như: sự biến đổi mạnh mẽ của *hệ thống tôn giáo* các nước trong xu hướng *đa dạng hoá* (pluralisme) và *tái cơ cấu*; những biến đổi về địa tôn giáo và quá trình "quốc tế hoá các giáo hội". Sự lựa chọn vấn đề là có tính tương đối và thể nghiệm.

Đây là vấn đề còn mới mẻ, bài viết này chỉ là vài ghi nhận bước đầu.

2. Về khái niệm "toàn cầu hoá tôn giáo"

Hiện nay, với mỗi con người, ý nghĩ về *toàn cầu hoá kinh tế* và *toàn cầu hoá văn hoá* đã trở nên "rất bình thường", hơn thế nữa, những khái niệm ấy còn được coi là sự tất yếu.

Nhưng tính phức tạp của vấn đề lại bắt đầu từ chính khái niệm gốc: *toàn cầu hoá*. Khái niệm *toàn cầu hoá* cố gắng diễn tả những logic mới của nền kinh tế thế giới đang nối mạng, dĩ nhiên nó cũng phản ánh các quan hệ chính trị, xã hội và văn hoá của thế giới quanh ta.

Tất nhiên, khái niệm *toàn cầu hoá* có liên quan đến một khái niệm có từ lâu là *hiện đại hoá*, nhưng mở rộng về không gian hơn. Sự vận động phức tạp của thế giới hôm nay khiến cho thuật ngữ này đôi khi khá mơ hồ và tùy theo cách hiểu mỗi người, thậm chí mỗi quốc gia. Trong ngôn ngữ Âu - Mỹ người ta cũng dùng hai từ khác nhau để diễn tả khái niệm này (mondialisation; globalization), đôi khi rất khó phân biệt.

*. GS. TS Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

Tuy vậy, người ta cũng cố đưa ra những “định nghĩa” về *toàn cầu hoá* mà trước hết là *toàn cầu hoá kinh tế*. Trong các định nghĩa ấy, người ta có xu hướng nhấn mạnh yếu tính sau: sự đồng đều hoá bằng cách kéo những yếu tố xa xôi của mọi nền kinh tế vào một thị trường chung của toàn cầu đang cạnh tranh.

Trong khung cảnh đó, có vấn đề *toàn cầu hoá tôn giáo*.

Đầu năm 2000, cuộc hội thảo của Hiệp hội các ngành khoa học xã hội về tôn giáo của Pháp (l'Association Francaise de Sciences sociales des religions, gọi tắt AFSR) ở Paris đã dành cho chủ đề về những hiện tượng mới mẻ xung quanh *toàn cầu hoá tôn giáo*. Nhiều tác giả các nước tham dự cuộc hội thảo này đã phân tích những hệ quả trên bình diện tôn giáo của vấn đề mới mẻ này, diễn tả những logic mới của nó trên cơ sở so sánh với những quá trình *quốc tế hoá tôn giáo* đã xảy ra trong lịch sử cũng như các biểu hiện khác.

Kết quả của cuộc hội thảo được phản ánh trong cuốn sách rất đáng chú ý: *Toàn cầu hoá tôn giáo (La globalisation du religieux)* với sự tham gia của các tác giả như D. Hervieu - Léger, M. Cohen, F. Champion, J.P. Bastian (Pháp); J. Beckford; D. Lehmann (Anh); R. Motta (Braxin), S. Wydmusch (Đức); C.S Blancat (Italia)...

Đây là một dạng “định nghĩa” về *toàn cầu hoá tôn giáo* của nhóm tác giả chủ chốt cuộc hội thảo: “*Toàn cầu hoá tôn giáo* trước hết được hiểu là quá trình chuyển từ tính quốc tế, vốn được hiểu theo nghĩa liên nhà nước (inter - étatiques) sang tính xuyên quốc gia: các chiến lược bành trướng tôn giáo không còn hoặc ít liên quan đến các quyền bá chủ về chính trị và thường phụ thuộc vào

phạm vi của các logic mới, mà những logic này không còn phụ thuộc vào mối quan hệ giữa các nhà nước nữa. Nếu việc xuất khẩu các tôn giáo diễn ra trong các thế kỉ trước gắn bó chặt chẽ với lịch sử các cuộc bành trướng thực dân thì các luồng tôn giáo hiện nay không còn chỉ đáp ứng logic đó nữa. Hiện nay, xu thế toàn cầu hoá tôn giáo đang thoát khỏi tầm kiểm soát của các nhà nước và vượt lên trên các đường biên giới. Ngoài ra, các luồng tôn giáo này không còn giới hạn ở sự lưu truyền Bắc - Nam mà đã trở nên đa chiều...”⁽¹⁾

Như vậy là định nghĩa này cho ta thấy một số yếu tính rất cơ bản của *toàn cầu hoá tôn giáo* trong bước đầu nhận thức về nó. *Toàn cầu hoá* nói chung rõ ràng tạo ra dấu ấn, một sức ép về không gian và thời gian, làm biến đổi mọi hoạt động của loài người.

Trong lĩnh vực tôn giáo, các tác giả trên lưu ý trước hết đến sự phá vỡ các đường biên giới và xáo trộn cả những cột mốc biên giới vừa mới thiết lập của bản đồ địa - tôn giáo. Mặt khác, vượt qua chế độ nhà nước tập trung, ngày càng xuất hiện nhiều thể chế mang tính toàn cầu và những “trật tự quốc tế” mới về đời sống tôn giáo. Đặc biệt, sự “xuất khẩu” các tôn giáo ra khỏi những vùng lãnh thổ “gốc” của chúng, nói cách khác là sự giải lãnh thổ hoá, cũng đang diễn ra với những dòng chảy mới, đa chiều chưa từng có.

Một định nghĩa đáng chú ý khác về *toàn cầu hoá tôn giáo* là của D. Lehmann.

1. Xem: J.P. Bastian, F. Champion, K.Rousselet. Bài đề dẫn Hội thảo “*Toàn cầu hoá tôn giáo: Sự đa dạng của các vấn đề đặt ra và của những thách thức*” (nguyên văn: *La globalisation du religieux: diversité des questionnements et des enjeux*) trong cuốn: *La globalisation du religieux*, ed. L'Harmattan, Paris, 2001; p. 10.

Tác giả này bắt đầu từ sự so sánh hiện tượng toàn cầu hoá kinh tế và toàn cầu hoá tôn giáo, rút ra nhận xét: "Trong khi khuynh hướng chung của *toàn cầu hoá kinh tế* (đồng đều hoá và lôi cuốn các khu vực xa xôi vào thị trường thế giới đang cạnh tranh), ngược lại, *toàn cầu hoá tôn giáo* lại là sự phá vỡ các biên giới, đồng thời *tạo nên các biên giới mới*"⁽²⁾. D. Lehmann, như đoán biết bản khoán về sự "mất bản sắc tôn giáo" vốn là thành tố quan trọng bậc nhất của bản sắc tộc người trong bối cảnh toàn cầu hoá, đã cho rằng, "*toàn cầu hoá* không chỉ nói đến mặt giống nhau hay mặt đồng đều và sự phá huỷ các ranh giới văn hoá. Trái lại, nó còn sản sinh ra những ranh giới mới, cắt ngang nhau trong phạm vi văn hoá, tộc người, ngôn ngữ và tôn giáo. Tôn giáo có vai trò quan trọng trong quá trình ấy"⁽³⁾.

Ông cũng đặc biệt lưu ý sự biến đổi tôn giáo theo hai khuynh hướng: những hình thức "toàn thế giới" của *toàn cầu hoá tôn giáo* như trường hợp Kitô giáo xưa kia và xu thế "hội nhập văn hoá, biểu tượng tôn giáo bản địa" vào các tôn giáo thế giới⁽⁴⁾.

3. Một số biểu hiện và tính vấn đề của toàn cầu hoá tôn giáo

3.1 Đa dạng hoá (pluralisme) hệ thống tôn giáo, tái cơ cấu và các logic về giải lãnh thổ hoá của các tôn giáo

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, đặc biệt là làn sóng di dân đã tạo nên sự thay đổi cực kỳ to lớn về địa - tôn giáo, khiến cho hệ thống tôn giáo của các nước thay đổi rất lớn.

Với số tín đồ nhiều triệu người chủ yếu gốc Phi và Trung Cận Đông, Islam giáo đã trở thành tôn giáo có vị trí số 3 ở Pháp trong khi đó Phật giáo Lạt Ma, Do Thái giáo cũng có vị trí đáng kể ở Mỹ.

Sự thay đổi này còn phổ biến hơn bởi sự xuất hiện hay từ sự "nhập khẩu" các *hiện tượng tôn giáo mới* (New Religious Movements), hoặc các giáo phái Tin Lành chủ yếu từ Bắc Mỹ. Không phải chỉ có sự tăng nhanh về số lượng, sự đa dạng của các tôn giáo, các hệ phái mà còn có sự hiện diện ngày càng nhiều hơn "sự hành nghề" của các tư tế người nước ngoài.

Xin đơn cử trường hợp Nhật Bản về các tổ chức tôn giáo, cơ sở thờ tự, chức sắc theo số liệu chính thức gần nhất: (*Bảng 1*)

Trường hợp Nhật Bản, qua bảng thống kê trên đã cho ta thấy sự đa dạng hoá đời sống tôn giáo của nước này theo hướng quốc tế hoá, xuyên quốc gia rất rõ. Ngược lại, cũng cần nói thêm rằng, chính Nhật Bản cũng thuộc số ít trong các nước Châu Á xuất khẩu "hiện tượng tôn giáo mới" (rõ nhất là giáo phái Soka Gakkai) qua Âu - Mỹ.

Trong việc giao lưu các luồng tôn giáo người ta rất chú ý đến *cái logic mới về giải lãnh thổ hoá*. Xưa kia, khi nói về loại "tôn giáo dân tộc" như trường hợp *đạo Do Thái* (Judaisme) hoặc *Thần đạo* (Shinto), người ta chỉ quan niệm nó đóng khung các dân tộc sinh ra nó. Nhưng thực tế hiện nay đã khác và trường hợp Ấn giáo xâm nhập vào phương Tây là thí dụ tiêu biểu. Trong quá khứ, đạo này thường được coi là một tôn giáo "không truyền giáo". Bởi vì, một mặt "bản chất Ấn Độ" của đạo này không thể tách khỏi môi trường xã hội Ấn Độ, một xã

2. Xem: D. Lehmann. *Religion and Globalization* trong *Religions in the modern World*, Routledge, NewYork, 2002, p. 301. Có thể tham khảo: P. Beyer. *Religion and Globalization*, (London: Sage, 1994); R. Robertson: *Globalization: Social Theory and Global Culture* (London: Transaction, 1992).

3. Xem bài của D. Lehmann. *Religions in the modern World*, Sđd, p. 310

4. Xem bài của D. Lehmann. Sđd, p. 312.

Bảng I: Tổng quan về các tôn giáo ở Nhật Bản hiện nay

HẠNG MỤC	CƠ SỞ TÔN GIÁO NÓI CHUNG			CƠ SỞ PHÁP NHÂN TÔN GIÁO			CHỨC SẮC NGƯỜI TU HÀNH (CẢ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI)			TỔNG SỐ TÍN ĐỒ
	Đền	Chùa	Nhà thờ	Đền	Chùa	Nhà thờ	Nam (người nước ngoài)	Nữ (người nước ngoài)	Tổng số (Người nước ngoài)	
Tổng Hệ thống	81.312	77.160	33.201	81.210	75.760	23.711	302.725 (2.694)	257.688 (977)	655.463 (3.671)	214.755.485
Thần đạo	81.234	17	5.778	81.143	14	3.657	51.983 (35)	28.651 (26)	80.634 (61)	106.786.648
Phật giáo	19	77.110	2.615	18	75.715	1.188	134.839 (150)	81.643 (96)	311.982 (246)	95.492.812
Kitô giáo	-	2	6.886	-	-	3.929	23.872 (2.422)	4.121 (772)	27.993 (3.194)	1.822.357
Các giáo đoàn khác	59	31	17.922	49	31	14.937	91.581 (83)	143.273 (38)	234.854 (170)	10.653.0618

(Nguồn: Niên giám tôn giáo ở Nhật Bản, năm 2004)

hội có đẳng cấp và mặt khác, bản thân Ấn giáo không có một thiết chế tổ chức để truyền giáo. Vậy mà hiện nay, với xu thế phát triển của “*Tân Ấn giáo*”, nghĩa là Ấn giáo được hiện đại hoá và “*Tây phương hoá*” (đã có khái niệm về một “*phong trào*” Tân Ấn giáo kết hợp quá trình “*Tin Lành hoá*”), nó đã được một số nước phương Tây chấp nhận. Hoạt động xuyên quốc gia của phong trào Tân Ấn giáo và ảnh hưởng của nó đã được Campell (1999) ghi nhận là “*sự Đông phương hoá* với phương Tây trong đó bắt đầu bằng sự du nhập các thành tố như Tân Ấn giáo với cái lõi Sidha Yoga sẽ có khả năng phổ quát trong tương lai, cũng như bằng những thay đổi từ các thành tố này...”⁽⁵⁾.

Cũng có thể nêu một ví dụ khác về hiện tượng *đạo Candomblé* của Braxin ở một phương diện khác của sự giải lãnh thổ hoá: một tôn giáo bản địa, đã mất đi những nền tảng có tính dân tộc cổ truyền, thực hiện cuộc lai tạo trong một thị trường tôn giáo đang cạnh tranh quyết liệt, vừa để tạo ra bản sắc mới, vừa để tồn tại và phát triển mà một số nhà nghiên cứu đang chú ý.

Toàn cầu hoá kinh tế không phải thang thuốc chữa bách bệnh. Ngược lại, với sự mất cân đối và sự phân tầng xã hội quyết liệt hiện nay càng tạo nên sự đối lập giữa các vùng trung tâm và ngoại vi (mà có lẽ các vùng này mãi mãi tồn tại) trong đó hàng ngũ “những người bị loại trừ” yếu thế càng tăng thêm.

Toàn cầu hoá tất yếu gây ra tình trạng *các sản phẩm tôn giáo thực sự trở thành hàng hoá* và khi ấy, như mọi thứ hàng hoá, nó có khuynh hướng “*giải lãnh thổ hoá*” càng mạnh mẽ hơn. Đó cũng là điều

kiện cho các phong trào xuyên giáo phái phổ biến hơn. Và trong trường hợp có sự tản mác dân tộc (chủ yếu do *di dân* với các lí do khác nhau) thì hiện tượng “*giao thoa văn hoá và tôn giáo*” càng mạnh mẽ, tạo ra xu thế xuyên quốc gia...

Toàn cầu hoá tôn giáo hiện nay còn thúc đẩy hiện tượng *cải đạo* (convertir) rất đáng chú ý, đặc biệt là sự cải đạo qua Tin Lành ở một số khu vực.

Trong bài viết mới đây của Vương Đình Chử trên tờ *Công giáo và Dân tộc* về tình trạng này ở Braxin, tác giả cho biết hiện tượng *cải đạo Tin Lành* rất mạnh mẽ ở nước này. Đặc biệt, tác giả đưa ra con số tăng trưởng khoảng 18 triệu tín đồ của Giáo hội Ngũ Tuần (Pentécotistes), và coi đó là sự “*phát triển ngoạn mục* trong vòng 3 thập kỉ vừa qua” với “*sự phát triển với tốc độ chóng mặt* vì hầu như mỗi ngày đều có một giáo phái mới ra đời”⁽⁶⁾. Nói về những nguyên nhân cải đạo ở Braxin, ngoài nguyên nhân chủ quan nội tại của phía đạo Công giáo (Nam Mỹ vốn có số dân theo Công giáo lớn nhất thế giới, 125 triệu tín hữu), còn có các nguyên nhân khách quan về chính trị, kinh tế cũng như nguyên nhân “*ưu việt*” về tôn giáo, đó là các “*giáo phái Ngũ Tuần* với khả năng đáp ứng được những đòi hỏi mới về tâm linh (sự *cảm nghiệm mới* về Thiên Chúa, thay thế lối sống đạo truyền thống nhàm chán...”⁽⁷⁾

Trong nghiên cứu của mình về sự phát triển của đạo Tin Lành những thập

5. Xem bài của Véronique Altglas. *Sự du nhập của Tân Ấn giáo vào phương Tây* trong cuốn *La globalisation du religieux*. Sđd., tr. 50-51.

6. Vương Đình Chử. *Đổi đạo và bỏ đạo một tình trạng đáng suy nghĩ*. *Công giáo và Dân tộc*, số 7/2005, tr. 85.

7. Vương Đình Chử, bài đã dẫn.

kỉ gần đây ở Nam Mỹ, F. Houtart cho rằng, trong xu thế toàn cầu hoá nổi lên vai trò của các tổ chức tài chính quốc tế (trước hết là Quỹ Tiền tệ Thế giới - IMF) và của Ngân hàng thế giới nhất là ở Nam Mỹ. Theo tác giả, số liệu 1993 cho biết, chỉ trong 10 năm ở tiểu lục địa này, số người sống dưới mức nghèo khổ tăng từ 22 lên 32 triệu người và “theo quan điểm xã hội học tôn giáo, sự phân cực xã hội cũng có nghĩa là sự phân cực tôn giáo”⁽⁸⁾.

Tác giả cũng đưa ra con số, tại các nước như Braxin, Chile, Guatemala các nhóm Tin Lành Ngũ Tuần đã chiếm “thị phần” tín đồ từ 10 đến 25% dân số, dù theo ông, đạo Công giáo vẫn có vị trí quan trọng nhất.

Quan tâm đến khuynh hướng *Tin Lành Phúc Âm*, một trong hai khuynh hướng chính của đạo Tin Lành hiện nay (khuynh hướng kia là *Tin Lành Ngũ Tuần*), J.P. Willaime đã có bài nghiên cứu rất có giá trị, tên là *Những tái tạo bên trong thế giới Tin Lành: Tin Lành “được thiết lập” và “Tin Lành Phúc Âm”*⁽⁹⁾. Theo tác giả, hiện nay cả ở Châu Âu, Bắc Mỹ và các lục địa khác, đang có sự tái tạo bên trong của thế giới Tin Lành, một sự tái tạo theo hướng tầm quan trọng tăng dần của Tin Lành Phúc Âm và tầm quan trọng giảm dần của thứ Tin Lành “được thiết lập” (Tin Lành cổ điển, lịch sử). Ý kiến trên của ông rất đáng lưu ý.

Chúng ta đều biết rằng, về mặt lịch sử, *Liên minh Tin Lành Phúc Âm toàn cầu* xuất hiện ở Luân Đôn (Anh) từ 1846. Nhưng nó chỉ thực sự phát triển với sự ra đời *Hội Tin Lành Phúc Âm thông công*

thế giới (World Evangelical Fellowship) năm 1942 ở Mỹ. WEF hiện có đến hơn 100 triệu tín đồ, tạo nên một mạng lưới quốc tế rộng lớn, đại kết và có tính xuyên giáo phái (1996, ở Bắc Mỹ, Tin Lành Phúc Âm chiếm 25% dân số).

Vì sao một thứ Tin Lành mộ đạo, chính thống, chống nạo thai và chống sự nói lỏng các phong tục tập quán lại có thể phát triển trong bối cảnh *toàn cầu hoá*? C. Smith đã cất nghĩa: “Trong xã hội hiện đại và đa dạng, con người không cần đến các vũ trụ linh thiêng bao quanh ở tâm vĩ mô để duy trì các tín ngưỡng bao quanh ở tâm vĩ mô để duy trì các tín ngưỡng tôn giáo của mình. Họ chỉ cần “những cái ô thiêng liêng”, nghĩa là thế giới nhỏ bé có thể đem theo, có thể tiếp cận và liên hệ - đó là các nhóm quy chiếu - “dưới” những cái ô này, các tín ngưỡng của họ hoàn toàn có ý nghĩa”⁽¹⁰⁾.

Từ điểm tựa ấy, tác giả đi đến kết luận: “Điều cực kì có ý nghĩa là ngay từ khi xuất hiện, Tin Lành Phúc Âm, cũng giống như Ngũ Tuần, nó đã được đặc trưng bằng tầm quan trọng của các mối liên hệ quốc tế, liên quan đến tình cảm thân hữu của các cá nhân có chung mục đích quy theo đạo mới cho mọi người vượt trên mọi đường biên giới chính trị và giáo hội. Kiểu Tin Lành này khước từ mọi biên giới chính trị, giáo hội, văn hoá, xã hội và

8. Sự phát triển của đạo Tin Lành và “Hiện tượng tôn giáo mới” ở Mỹ Latinh đã được F. Houtard nghiên cứu từ lâu. Xem lại: Đỗ Quang Hưng. *Nhà nước và Giáo hội*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội 2004.

9. J. P. Willaime. *Les recompositions internes au monde Protestant: Protestantisme “établi” et protestantisme “évangélique”*. Trong cuốn: *La globalisation du religieux*. Sđd, p. 171-182.

10. Xem bài của C. Smith. *Religions in the modern world*. Sđd., p. 157.

ngôn ngữ khi liên hệ với các cá nhân. Tin Lành Phúc Âm thực sự là một ví dụ về sự hỗn dung hoá, nghĩa là một kiểu quốc tế hoá kết hợp chặt chẽ tính toàn cầu và tính địa phương⁽¹¹⁾.

Như vậy là, không chỉ *Tin Lành Ngũ Tuần* vốn được coi là mô hình Tin Lành có lợi thế trong khung cảnh *toàn cầu hoá tôn giáo* hiện nay, bởi tính cách năng động nhất theo *logic về mạng xuyên quốc gia và mạng địa phương*, một tôn giáo có khả năng thích ứng với sự phát triển phương tiện thông tin đại chúng, hội nhập quốc tế và nhất là phù hợp với hiện tượng lai tạo tín ngưỡng và sự thực hành gắn với *quá trình xuyên quốc gia* tôn giáo, mà ngay cả *Tin Lành Phúc Âm* ở mức độ nào đó cũng có sự *tái cơ cấu* để bắt nhịp được với bối cảnh *toàn cầu hoá*.

3.2 Logic mới về "giải lãnh thổ hoá"

Chúng ta đều hiểu rằng, toàn cầu hoá tất yếu sẽ dẫn đến sự *tái tạo cấu trúc các không gian*, trong đó các nhà nước theo mô hình quốc gia - dân tộc sẽ suy giảm quyền bá chủ của mình trên một số mặt nhất định.

Lưu ý rằng, mô hình *nhà nước - dân tộc* khá mạnh đến giữa thế kỉ XX, vì các yếu tố, các giá trị như "tổ quốc", "dân tộc" còn mạnh mẽ, thiêng liêng trong khi các giá trị "quốc tế" nói chung còn mơ hồ, lỏng lẻo và trừu tượng⁽¹²⁾.

Thế giới của chúng ta đang như nhỏ bé lại, biên giới quốc gia không còn là thứ tạo ra sự cách biệt tuyệt đối với thế giới bên ngoài và sự "suy giảm" quyền lực của các nhà nước.

Mặt khác, *toàn cầu hoá* còn khơi lại tính địa phương, lập nên những "vùng -

thế giới" mở rộng không gian so với các quốc gia - dân tộc: Đó là trường hợp của Liên minh Châu Âu (EU) hiện nay, trong đó kể cả đời sống tôn giáo, cũng đã có những vấn đề vượt qua quyền hạn các nhà nước dân tộc.

Toàn cầu hoá còn đặt ra những thách thức mới về lĩnh vực điều tiết của nhà nước đối với các tôn giáo. Trong bối cảnh gia tăng dòng người di cư và đặc biệt là sự mở rộng độ "tản mát" (diasporas) của các cộng đồng Islam giáo, các nhà nước - dân tộc ấy bị giảm bớt đặc quyền của mình vì những tiêu chuẩn mới về luật pháp. Ngay ở Châu Âu, trong bối cảnh ấy và quá trình "vùng hoá" (régionalisation) chuẩn mực Châu Âu, sự thực hiện Luật tự do tôn giáo, Luật về quyền các dân tộc thiểu số (droit des Minorites)... cũng làm biến đổi mối quan hệ giữa tôn giáo với các tín đồ trong tư cách công dân của họ.

Riêng với các quốc gia có làn sóng di dân lớn, có độ "tản mát" dân tộc cao thì nguy cơ hình thành một thứ *Chủ nghĩa bản địa xuyên quốc gia* càng lớn, trong đó yếu tố tôn giáo lại càng quan trọng, đôi khi còn tác động mạnh mẽ hơn cả yếu tố "tộc người". Vấn đề này tác động chủ yếu đến các nước ngoài Âu - Mỹ. Khi *Chủ nghĩa bản địa xuyên quốc gia* hình thành, trên cơ sở các yếu tố dân tộc và tôn giáo ("những món nợ lịch sử") thì chính vấn đề *cải đạo* sẽ có thể đưa tới sự bùng nổ của chủ nghĩa li khai mới.

11. C. Smith. *Religions in the modern world*. Sđd, p. 161.

12. Tham khảo ý kiến của: J. Kurth. *Religion and Ethnic - in Theory*. New York, 2001; C. J. Christie. *Lịch sử Đông Nam Á hiện đại*. Bản dịch, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2000, v.v...

Khi bàn về vấn đề này, chúng ta có thể tham khảo ý kiến của GS. Keyes (Đại học Washington, Mỹ). Theo ông, mọi quốc gia hiện nay đều có người xuất cư và nhập cư. *Tính dân tộc xuyên quốc gia* hình thành trên cơ sở ấy, kéo theo vấn đề biên giới của các nhà nước - dân tộc. Tác giả cho rằng: "Bên cạnh những chỉ báo truyền thống tạo nên bản sắc tộc người, nay có những chỉ báo không truyền thống và việc cải đạo theo Kitô giáo để trở thành Kitô hữu trong các dân tộc đang ở tình trạng tính dân tộc xuyên quốc gia thì đó cũng là một cách để khẳng định bản sắc của mình. Dù cho Kitô giáo không phải là tôn giáo truyền thống với họ"⁽¹³⁾.

Đây là những *thách đố lớn* với nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam mà chúng tôi sẽ đề cập trong một bài viết tới đây.

Trên phương diện khác, ngay ở Châu Âu, nơi mà Kitô giáo nói chung còn đóng vai trò tôn giáo *chủ lưu* ở nhiều nước, cũng gây những "bất ổn" với các nhà nước, liên quan đến việc "xem xét lại" bản sắc dân tộc. Về lí thuyết, trong không gian mới của Liên minh Châu Âu (EU) thì có vẻ như Kitô giáo có thể tạo ra một "bản sắc siêu quốc gia" (identité supranational) và đã gây ra sự tranh cãi như khi thông qua *Luật Châu Âu* vừa qua. Đó là chưa kể đến vấn đề của những người Do Thái giáo, Islam giáo khi họ tham gia vào xây dựng Liên minh Châu Âu... Đối với các cộng đồng này, thật khó có vấn đề *cải đạo* để khẳng định lại bản sắc ngược lại tâm thức về thứ *chủ nghĩa bản địa xuyên quốc gia* của họ có thể xung đột với thứ "bản sắc siêu quốc gia" kia.

3.3 Các dòng truyền giáo và hiện tượng "quốc tế hoá các giáo hội"

Đặc điểm lớn nhất của lịch sử truyền giáo của các tôn giáo lớn thế giới là vai trò của các giáo hội Kitô giáo với sức mạnh về tín điều, giáo lí có tính "phổ quát" và đã bành trướng với sự mở đầu bằng việc "mở mang nước Chúa" ra các khu vực "dân ngoại" từ Nam Mỹ đến Châu Phi và Châu Á..., đặc biệt từ thế kỉ XVI, kéo dài đến nay.

Tuy vậy, cuộc truyền bá Kitô giáo nửa cuối thế kỉ XX trên thực tế bị lâm vào tình trạng khủng hoảng thực sự do những lí do chính trị và tôn giáo cùng những phê phán gay gắt vào tính hợp pháp của các hoạt động ấy và do những biến đổi sâu sắc diễn ra trong lòng các Giáo hội. Những năm gần đây, thuật ngữ "mission" ngày càng ít ý nghĩa về một phương thức truyền giáo Kitô có tổ chức, mà chỉ còn ý nghĩa *chứng nhân* đơn thuần, xa lạ với lối truyền đạo cuồng tín chinh phục tâm tòng xưa kia...

Đã có những nghiên cứu về những biểu hiện mới của các dòng truyền giáo trong bối cảnh toàn cầu hoá tôn giáo hiện nay. Ở đây, chúng tôi hệ thống lại một số kết quả nghiên cứu ấy.

* **Thứ nhất**, đó là sự hình thành một *địa lí Kitô giáo mới*.

Đành rằng Kitô giáo vẫn là tôn giáo chính của các xã hội Âu - Mỹ, nhưng các "Giáo hội trẻ" của Á - Phi đặc biệt là Châu Phi đen ngày càng có vị trí tăng thêm:

13. Xem bài giảng: *Tính dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam và Đông Nam Á* của GS. Keyes, tại trường ĐH KHXH và NV, Hà Nội, 5/2005.

Bảng II. Phân bố tín đồ Công giáo theo châu lục (1880 - 1995)⁽¹⁴⁾

Năm	1880	1950	1995
Châu Âu	70%	51%	29,1%
Châu Mỹ	24%	42%	49%
Châu Á	4,2%	4,4%	10,2%
Châu Phi	1,1%	3,1%	10,8%
Châu Đại Dương	0,27%	0,4%	0,7%
Tổng số	217.000.000	450.000.000	989.366.000

Để thấy rõ hơn cái *Địa lí Kitô giáo*, chúng ta tham khảo thêm:

Bảng III: Phân bố Kitô hữu ở Châu Á⁽¹⁴⁾

Tên nước (1995)	Công giáo	Tin Lành	Các Giáo hội Tin Lành (chủ yếu)
Trung Quốc	từ 5 – 12.000.000 (các Giáo hội chính thức và không chính thức)	từ 5 – 30.000.000	các Giáo hội không chính thức
Hàn Quốc	3.400.000	từ 7 – 8.000.000	Giám lí Trưởng lão Anh giáo
Ấn Độ	16.000.000	8.000.000	Anh giáo
Indonesia	5.300.000	8.000.000	Trưởng lão Luther
Philippines	58.700.000	4.400.000	Giám lí Trưởng lão Aglipayan Iglesia en Cristo
Việt Nam	từ 5.500.000 – 7.000.000	150.000	Giáo phái cải cách Baptít

Tuy các yếu tố trong bảng này có những chỗ khó chính xác, nhưng chúng ta có thể khẳng định được chiều hướng của cái *Địa Kitô giáo mới* hiện nay.

Thứ hai, những dòng nhân sự mới, quá trình “quốc tế hoá tương đối Giáo hội”: xuất hiện tình hình “truyền giáo ngược”.

Toàn cầu hoá tôn giáo đã xoá dần ranh giới giữa các thừa sai phương Tây “da trắng” và các giáo sĩ bản địa “da màu”. Các con số đều cho thấy, từ các dòng tu đến các cơ quan truyền giáo, tỉ lệ tu sĩ, giáo sĩ Á - Phi tăng nhanh, đặc biệt với

các dòng tu nữ. Vì thế, sự phân biệt giữa giới truyền giáo (phương Tây) và các giáo sĩ địa phương không còn ý nghĩa tuyệt đối, người Châu Âu và Bắc Mỹ đã chấm dứt thế độc quyền truyền giáo.

Hơn thế, có vẻ như đã có hiện tượng *truyền giáo ngược*: Châu Á tiến khá

14. Hai bảng thống kê này của C. Prudhomme trong bài viết in trong cuốn: *La globalisation du religieux*. Sđd, p. 22-23. Một số chi tiết trong bảng III, thí dụ về Việt Nam, chưa chính xác (như với đạo Tin Lành). Số liệu ở Công giáo, Tin Lành ở Trung Quốc cũng ghi rõ xuất xứ. Tuy vậy, để tham khảo, chúng tôi vẫn giữ nguyên văn.

nhau vì có con số chênh lệch giữa số thừa sai “xuất khẩu” là 8.147 vị so với “nhập khẩu” là 5.505 vị (1998). Tại Hội nghị các Giám mục Phi Châu, Giáo hoàng G. Phaolô II có nhắc nhở giáo hữu Châu Phi, họ cần phải trở thành “những thừa sai của chính mình”. Tuy vậy, những năm gần đây, Toà Thánh đã có các chỉ dụ “điều chỉnh” vấn đề này, hạn chế một phần việc “xuất khẩu” các giáo sĩ Á - Phi qua Âu - Mỹ⁽¹⁵⁾.

Trong các cơ quan lãnh đạo nói chung của Giáo triều Roma, của các Liên đoàn Tin Lành quốc tế cũng rõ nét hơn sự tham gia của chức sắc các giáo hội trẻ ngoài Âu - Mỹ. Chẳng hạn, cuối thập kỉ 90 của thế kỉ XX, Hội đồng Đại kết các Giáo hội Kitô giáo (COE) với 332 giáo hội thành viên với gần 100 nước, trong đó có 90 Giáo hội Châu Phi và 80 giáo hội Châu Á với cơ cấu Chủ tịch đoàn (9 vị) đã có người Hàn Quốc, Syri, Thổ Nhĩ Kỳ, Kenya... tham gia.

Để giải quyết mâu thuẫn giữa *tính phổ quát của giáo lí*, với yêu cầu bản địa hoá sinh hoạt tôn giáo và giữa việc “quốc tế hoá” tổ chức các giáo hội, từ năm 1970, Giáo hội Công giáo đặc biệt coi trọng việc *hội nhập văn hoá*, không chỉ *thích nghi* mà còn có khả năng diễn tả đức tin bằng hình thức văn hoá bản địa mà nó du nhập.

Lẽ dĩ nhiên, tiến trình quốc tế hoá các Giáo hội thích ứng với sự thay đổi địa lí tín hữu và việc thay đổi các dòng nhân sự trong truyền giáo mới chỉ bắt đầu. Phía Giáo triều Roma kiên quyết không để cho quá trình *quốc tế hoá* ấy ảnh hưởng đến những căn tính của Giáo triều, dù khả năng tập hợp các giáo sĩ

cũng như hàng giáo phẩm địa phương của Giáo hoàng có suy giảm ở nhiều khu vực, nhiều nước⁽¹⁶⁾.

Khi nói về những biểu hiện, vấn đề mới nảy sinh của các dòng truyền giáo lớn trên thế giới hiện nay, ngoài những vấn đề nóng hổi trên đây, chúng ta cũng cần nhắc lại vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng mà các tôn giáo đều khai thác, nhất là đạo Tin Lành.

Dòng truyền giáo hiện nay của Tin Lành, đặc biệt Ngũ Tuần, đang rất phổ biến trong khung cảnh chuyển biến mạnh mẽ của đời sống tôn giáo, là thí dụ điển hình cho hiện tượng *liên giáo phái, xuyên quốc gia* với 3 đặc tính: *tính đa phương, tính lai tạo* và *tính hiển thị* của sự thực hành tôn giáo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong bối cảnh *toàn cầu hoá*.

Khi nghiên cứu về sự phát triển của phong trào Ngũ Tuần ở Mỹ Latinh, cung cấp cho chúng ta có thể ghi nhận những thông tin và những nhận xét sau đây:

* *Tính đa phương* được thể hiện ở chỗ hoàn toàn nhập khẩu các hệ phái Tin Lành từ Bắc Mỹ (từ cuối XIX), đến nay với làn sóng quốc tế hoá về tôn giáo của các hệ phái thuộc Ngũ Tuần, trong đó

15. *Bộ Truyền giáo* (Congregation pour evangelisation des peuples) của Toà thánh, năm 2001 đã công bố sắc lệnh với sự “điều chỉnh” này. Xem: *Instruction sur l'envoi et la permanence a l'étranger des pretres du clerge diocesain des territoires de Mission*.

16. Xem bài của: Claude Prudhomme trong cuốn *Le globalisation du religieux*, Sđd., tr. 27-33; C. Prudhomme và J. F. Zorn về Giáo hội Á Châu hiện nay trong cuốn *Lịch sử Kitô giáo*, tập 13, tr. 657 – 667, Paris, 2001, (tiếng Pháp). Cũng có thể xem thêm: *Niên giám Giáo hội Á Châu*, 31/12/1996; Tạp chí *Giáo hội Á Châu* (tiếng Pháp), số 16/10/1998...

“các phái Ngũ Tuần Mỹ Latinh ngày nay có thể xuất khẩu thực hành tín ngưỡng của mình, từ sau thập kỉ 70 thế kỉ XX, đặc biệt Ngũ Tuần Braxin đã tìm thấy thị trường mới ở Châu Âu và Châu Phi theo sau dân di cư gốc Bồ Đào Nha”...⁽¹⁷⁾

* *Tính lai tạo* dân thay “nhập khẩu” trong logic thị trường mới.

Tính cách chiết trung trong thực hành tôn giáo của Ngũ Tuần khiến nó dễ thích ứng xu hướng xuyên quốc gia hoá. Hơn nữa trong bối cảnh *toàn cầu hoá*, xu thế cá thể hoá khiến các tôn giáo cơ cấu (như Công giáo) khó khăn; con người cô đơn hiện tại tìm thấy ở Ngũ Tuần tính “thơ ngây”, âm nhạc, những hứa hẹn về chữa bệnh... tóm lại là thứ Tin Lành tân thời, đáp ứng đòi hỏi của một bộ phận quần chúng.

Vì thế từ đầu thập kỉ 60 thế kỉ XX, “các phái Ngũ Tuần Mỹ Latinh đã *lai tạo* mô hình Tin Lành Bắc Mỹ, trong khi vẫn giữ mô hình gốc, tâm thức tôn giáo nội sinh đã lai tạo lại theo hướng “hiệu năng” hơn, đáp ứng yêu cầu một “quốc gia” và “xuyên quốc gia”.

Trong sự lai tạo, các giáo hội Ngũ Tuần xác định ranh giới thông qua những dấu ấn về quần áo, nghi lễ và tổ chức. Nhưng tất cả các giáo hội ấy đều đồng nhất 3 thực hành cơ bản: ơn gọi từ ngôn ngữ (Thánh Kinh), phép lạ và trừ tà.

* Các phương tiện *thông tin đại chúng* và *sự hoà mạng* cũng là một đặc điểm phổ biến của dòng truyền giáo Ngũ Tuần Nam Mỹ.

Phái Tin Lành Phúc Âm ở Nam Mỹ ngày càng giàu kinh nghiệm. Năm 1999, Liên đoàn Tin Lành Mỹ Latinh họp đại hội ở Lima (Pêru) khẳng định họ có hơn

100 kênh phát thanh, 200 trạm truyền hình, 500 tờ báo và 5000 phóng viên và truyền thông viên Phúc Âm của Mỹ Latinh (Agencia Latino - Americana de communication, Lima, 7/10/1999). Ở Braxin, tập đoàn truyền hình nổi tiếng nhất là đài truyền hình TV Record đã thuộc về Edir Macedo, sáng lập viên *Giáo hội phổ quát Nước Trời* (EURD). Người ta cũng nói đến “một Giáo hội điện tử” ở nước này.

Nhiều cuộc điều tra xã hội học ở Mỹ Latinh cho hay, trả lời cho câu hỏi “nhân vật tôn giáo nào có vai trò quan trọng nhất trong đời sống của bạn?”, thì các tín hữu Tin Lành ở Costa Rica, trong đó 2/3 thuộc phái Ngũ Tuần cho rằng đó là nhân vật của giới truyền thông, một linh mục có uy tín của kênh truyền hình Công giáo, đó là cha Maynor (chiếm 16,3% số phiếu hỏi, trong khi chính Chúa Giêsu chỉ được 10,6% số phiếu và Giáo hoàng cũng chỉ có 7,5% số phiếu).

J. P. Bastian kết luận: “Thế giới Ngũ Tuần nổi bật bởi sự ngẫu hứng, sự điều tiết yếu ớt về thần học và sự phân biệt do li giáo, những cái đó đảm bảo cho tính linh hoạt và thích nghi với các phong trào mang dấu ấn văn hoá đại chúng. Nhưng ở Châu Mỹ (Latinh) khi các phong trào này ăn sâu vô tâm thức tôn giáo truyền thống bằng việc thi hành các phép lạ, hay trừ tà ma và sử dụng tính siêu hiện đại của âm nhạc truyền thống để có lợi cho mình thì chúng đã trở thành một tâm thức tôn giáo lai tạo”⁽¹⁸⁾.

17. J. P. Bastian. *Pentécôtisme latino - américains, logiques de marché et traus - nationaliation religieuse*, trong cuốn: *La globalisation du religieux*. Sđd., p. 101.

18. J. P. Bastian. Sđd., p. 109.

Qua một số biểu hiện và một số vấn đề nêu ra trên đây xung quanh hiện tượng *toàn cầu hoá tôn giáo* hiện nay, bước đầu chúng tôi có thể đi đến một số nhận xét sau đây:

- *Thứ nhất*, *toàn cầu hoá tôn giáo* cũng là một mặt, một hệ quả của *toàn cầu hoá* nói chung. Tuy vậy, bản thân *toàn cầu hoá* là khái niệm còn nhiều điều cần phải làm sáng tỏ hơn về một định nghĩa. Tính cách mong manh của khái niệm này sẽ còn kích thích các nhà nghiên cứu tiếp tục khám phá về lí luận cũng như trong thực tiễn đời sống tôn giáo. Cũng vậy, *toàn cầu hoá tôn giáo*, một khái niệm tất nhiên là rất mới mẻ còn phải theo dõi, nghiên cứu trước khi có thể có một định nghĩa được mọi người thừa nhận.

- *Thứ hai*, tuy vậy ta vẫn có thể khẳng định rằng, *toàn cầu hoá tôn giáo* đã bộc lộ khá rõ nhiều động thái mới mẻ trên cả tầng vĩ mô (hệ thống tôn giáo thế giới, khu vực) và vi mô (từng tôn giáo). Hiện tượng này cũng làm nảy sinh nhiều vấn

đề, nhiều nghịch lí và thách thức với các quốc gia, các cộng đồng tôn giáo cũng như xã hội. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải có những nhận thức và lối ứng xử thích hợp sự chuyển biến mới mẻ của đời sống tôn giáo hiện nay.

*
* *

Chúng tôi muốn được khép lại bài viết này với một ý tưởng cơ bản: *toàn cầu hoá tôn giáo* đã và đang đặt ra những vấn đề rất mới mà chúng ta phải theo dõi, nghiên cứu cùng những thách đố với đời sống tôn giáo và xã hội mỗi nước, bất kể ở khu vực nào, thuộc truyền thống văn hoá nào. Vấn đề đặt ra có tính nguyên tắc là: cả hai phía, đạo và đời, các tôn giáo và xã hội phải thích ứng và linh hoạt trong việc xác định cách ứng xử của mình, biến những *thách thức* thành *cơ hội* để có thể *hội nhập* một cách chủ động, đảm bảo hài hoà lợi ích quốc gia, cộng đồng và mỗi con người./.